

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố theo Thông tư 02/2024/TT-BCHHT
ngày 03 tháng 04 năm 2024, năm 2024

Căn cứ Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 02/2024/TT-BCHHT ngày 03 tháng 04 năm 2024 của Bộ CHHT về việc công bố các công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 4/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 04 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước và dự toán ngân sách các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 02/2024/TT-BCHHT ngày 03 tháng 04 năm 2024 của Bộ CHHT về việc công bố các công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BCHHT ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường mẫu giáo;

Căn cứ tình hình thực tiễn nhiệm vụ năm 2024 - 2026;
Áp dụng công nghệ phân tích mẫu trường;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố theo Thông tư 02/2024/TT-BCHHT ngày 03 tháng 04 năm 2024, năm học 2024 - 2026 (theo bản của trường mẫu giáo mẫu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán và các tổ chuyên môn, có nhiệm vụ quản lý công khai theo Quyết định này.

Phụ lục:
- Hội đồng trường;
- Các tổ chuyên môn, bộ phận chuyên môn;
- Trường Mẫu giáo Mẫu giáo;
- Lưu 01/01.

HIỆP TRƯỞNG

Ngày 12/04/2024

PHỤ LỤC 1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Theo Thông tư số 08/2024/TT-NGNVT ngày 01 tháng 08 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

HỘI LÃNH ĐẠO LẦN THỨ (HỘI LÃNH ĐẠO) TRÊN ĐỀN PHỒ
THƯỜNG NIÊN NIÊN 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên trường: TRƯỜNG MẦM NON 28

2. Địa chỉ

- Trụ sở chính: Tổ dân phố số 9, phường Dân Hòa Phố, tỉnh Điện Biên.

- Điện thoại: Tổ dân phố số 9, phường Dân Hòa Phố, tỉnh Điện Biên.

- Điện thoại: 0215.336.337

- Địa chỉ thư điện tử: Truongmamnonchung@gmail.com

- Cổng thông tin điện tử: <http://trungmamnon28.gov.vn>

- Trung tâm quản lý thông tin số 23 - phường Dân Hòa Phố

3. Loại hình

- Loại hình: Công lập

- Cơ quan quản lý (tên cấp) ban hành báo cáo thường niên: Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên

4. Nội dung, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Nội dung

Báo cáo thường niên trường mầm non thể hiện công tác quản lý, điều hành, chất lượng, phát triển theo phương châm "Trân trọng, tích hợp, kết nối trong tương lai" để trẻ được tự do khám phá, tìm tòi, học hỏi và có sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần, kỹ năng sống và ý thức xã hội. Mục tiêu của báo cáo thường niên là cung cấp thông tin về công tác quản lý, điều hành và phát triển của cơ sở giáo dục để các cấp, ngành và xã hội nắm bắt được thực trạng và định hướng phát triển của trường.

Báo cáo thường niên trường mầm non là một công cụ đánh giá chất lượng công tác quản lý, điều hành và phát triển của trường, cũng như là một công cụ để trường mầm non chia sẻ thông tin và kinh nghiệm của mình với các trường mầm non khác trong tỉnh, thành phố và cả nước. Báo cáo thường niên trường mầm non là một công cụ để trường mầm non thể hiện trách nhiệm của mình đối với xã hội và các cấp, ngành quản lý, điều hành trường mầm non.

4.2. Tầm nhìn

Đào tạo, cấp tin tưởng, đồng thuận, ứng xử và các nội dung các bài phụ lục, cùng với một khóa đào tạo kỹ và quản trị các tài, để lại các tài, giải vấn, các vấn trong môi trường để công nhân công tác và tin tưởng, và tin tưởng qua môi trường và phước, không ngừng phát triển, với các nghiên cứu, để môi trường phát triển hơn, ứng dụng công nghệ thông tin, tạo môi trường môi trường và, cũng các chất lượng chất lượng môi trường, đưa trường năm sau 7-1 phát triển hệ thống và và ứng xử và chất lượng môi trường, chất lượng, giáo dục tin cậy. Đây đây, trường năm sau 91 và giữ vững niềm tin, trường năm sau 91 chuẩn quốc gia năm 2012, trường năm sau 91 của chuẩn chất lượng quốc gia năm 2012. Nhà trường đã đạt được những thành tích xuất sắc nhiều năm liên tiếp được công nhận là tập thể lao động xuất sắc, được Thành ủy, UBND thành phố, Ủy ban Dân tộc (năm 2016, 2019, 2021, 2022), Ủy ban Khoa học và Công nghệ (năm 2021).

Hiện nay, trường có tổng số 16 nhóm (tên và số) học sinh, gồm 01 lớp mẫu giáo với 60 học sinh và 15 lớp mầm non với 341 học sinh. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường là 45 đồng chí. Trong đó CBQL, GV đồng chí, giáo viên là 45 đồng chí, nhân viên là 0 đồng chí, theo biểu chế của 01 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện tài sản, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc và điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Họ và tên: Nguyễn Thị Phương
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non T3
- Số điện thoại: 0942.251.074
- Địa chỉ thư điện tử: Luongthoan@nganvibank.com

7. Tổ chức bộ máy

Trường mầm non T-3 được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB-HH ngày 30 tháng 12 năm 1995 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu nay thuộc tỉnh Bắc Kạn. Đầu tháng 01 năm 2018 trường mầm non Tân Thành lập thuộc vào trường mầm non T-3 thành trường mầm non T-3 theo Quyết định số 3080/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Trường mầm non T-3 và 01 HLL đồng trường theo UBND thành phố Bắc Kạn đã thành lập gồm 9 thành viên theo Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 19/02/2018, nay đồng trường được bổ sung theo Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 26/02/2022 của UBND thành phố Bắc Kạn. Chủ tịch Hội đồng đồng trường UBND thành phố Bắc Kạn cũng được bổ Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 19/10/2022.

Đầu tháng 01/01 của bộ quản lý đã được điều chỉnh, bổ nhiệm, công chức như sau:

Đầu tháng 01/01 của bộ quản lý đã được điều chỉnh, bổ nhiệm, công chức như sau:

Đầu tháng 01/01 của bộ quản lý đã được điều chỉnh, bổ nhiệm, công chức như sau:

Đầu tháng 01/01 của bộ quản lý đã được điều chỉnh, bổ nhiệm, công chức như sau:

Ông Lê Văn Hùng, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ông Lê Văn Hùng, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ông Lê Văn Hùng, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ông Lê Văn Hùng, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Cơ cấu tổ chức của nhà trường gồm: Hội đồng trường, Ban chấp hành và các bộ phận chuyên môn; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; Hội đồng tư vấn; Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; Các tổ chức đoàn thể, tổ chức phòng; Các nhân viên, học sinh.

Trên đây là danh sách 10 giáo viên của bộ quản lý và 34 giáo viên công nhân viên chức.

STT	Họ và tên	Chức vụ/không	Số điện thoại	Họ và tên email	Họ và tên ban chấp hành
1	Nguyễn Thị Ngọc	Hội đồng	0942997574	huonghuan11@gmail.com	Tổ chức
2	Nguyễn Thị Ngọc	Phó HT	0981745623	huonghuan11@gmail.com	Tổ chức
3	Nguyễn Thị Ngọc	Phó HT	0915996120	huonghuan11@gmail.com	Tổ chức
4	Châu Văn Mỹ	Tổ chức	0793886488	huonghuan11@gmail.com	Tổ chức
5	Lương Thị Ngọc	Hội đồng	0945442168	huonghuan11@gmail.com	Tổ chức
6	Trần Ngọc Hùng	Hội đồng	0982111862	huonghuan11@gmail.com	Tổ chức
7	Đào Ngọc Hùng	Hội đồng	0982111862	huonghuan11@gmail.com	Tổ chức
8	Nguyễn Thị Vân Anh	GV dạy học MGD 3-4 tuổi DT	0912345678	huonghuan11@gmail.com	Tổ chức
9	Nguyễn Thị Lệ	GV dạy học MGD 3-4 tuổi DT	0945678901	huonghuan11@gmail.com	Tổ chức
10	Lê Thị Ngọc	GV dạy học	0945678901	huonghuan11@gmail.com	Tổ chức

36	LÊ THỊ THANH Lan	CV cấp chính 04 23-36a A2	8970432162	lethanhlan@sigma.com	SIEM
37	TRẦN THỊ HẠ Quỳnh	CV cấp chính 04 23-36a A2	8971970621	quynhtran@sigma.com	SIEM
38	NGUYỄN THỊ HỒNG Thị	CV cấp chính 04 23-36a A2	8922641462	nguyenthithong@sigma.com	SIEM
39	TRẦN THỊ THẠCH	CV cấp chính 04 23-36a A2	8922137123	thachtran@sigma.com	SIEM
40	TRẦN THỊ LÊ	Thạc sĩ học bổng	8922136664	lethanthi@sigma.com	TS cấp học
41	CÁI THỊ THẠCH	Thạc sĩ học bổng	8920962118	thachcai@sigma.com	TS cấp học
42	NGUYỄN THỊ VÀNG	Thạc sĩ học bổng	8918122711	vangthi@sigma.com	TS cấp học
43	LÊ THỊ HẠO	Thạc sĩ học bổng	89224266	haole@sigma.com	TS cấp học

B. Các văn bản khác của nhà trường

- Kế hoạch, chiến lược phát triển của nhà trường
- Quy chế hoạt động của nhà trường
- Quy chế dân chủ cơ sở
- Quy chế thi cử của nhà trường
- Quy chế quản lý và dùng tài sản của nhà trường
- Quy chế quản lý, khai thác công tác tài vụ
- Quy chế ứng xử trong nhà trường
- Quy chế thi đua, khen thưởng
- Các Nghị quyết, ...

II. ĐỘI NGŪ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, các bộ quản lý và nhân viên chức theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

Hạng	Nội dung	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2023 - 2024	Hình thức
I	Giáo viên	34	34	-
I	GV theo vị trí việc làm			
	- GV tiểu học	9	9	-
	- GV mầm non	25	25	-

2	TV theo mức độ được duyệt			
	- Tỷ lệ			
	- Thời gian			
	- Địa điểm	11	11	=
	- Cơ sở	2	1	-1
3	CV theo hàng chức danh NH			
	- Hàng I			
	- Hàng II	27	28	+1
	- Hàng III	1	0	-1
	- Hàng IV			
4	Cán bộ quản lý	8	8	=
1	CBQL theo vị trí quản lý			
	- Hiệu trưởng	1	1	=
	- Phó hiệu trưởng	2	2	=
2	CBQL theo trình độ học vấn			
	- Tỷ lệ			
	- Thời gian			
	- Địa điểm	1	1	=
	- Cơ sở			
3	CBQL theo hàng CTWH			
	- Hàng I			
	- Hàng II	3	3	=
	- Hàng III			
	- Hàng IV			
4	Nhân viên	8	8	=
1	MV theo vị trí nhân viên			
	- Văn thư			
	- Kế toán	1	1	=
	- Công nhân			
	- Y tá	1	1	=
	- Nhân dưỡng	4		-
	- Bảo vệ	2	2	=
	- Nhân viên khác			
2	MV theo trình độ được duyệt			
	- Tỷ lệ			
	- Thời gian	1	0	-1
	- Địa điểm	1	2	+1
	- Cơ sở			
	- Trung tâm	1	1	=
	- Dịch vụ ngoài	0	1	+1
3	NV theo hàng chức danh NH			
	- Hàng I			
	- Hàng II			
	- Hàng III			

Hạng IV					
---------	--	--	--	--	--

2. Số lượng, tỷ lệ giới viên, các hệ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024		Năm học 2024 - 2025		Hiệu suất
		Số	Tỷ lệ (%)	Số	Tỷ lệ (%)	
1	Giáo viên	34	100	34	100	-
	- Yếu	34	100	34	100	-
	- Đạt					
	- Chưa đạt					
2	Các hệ quản lý	3	3	3	3	-
	- Yếu	100	100	100	100	-
	- Đạt					
	- Chưa đạt					

3. Số lượng, tỷ lệ giới viên, các hệ quản lý và nhân viên hoàn thành hồ sơ đăng ký năm theo quy định

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024		Năm học 2024 - 2025		Hiệu suất
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Giáo viên	34	100	34	100	-
	- Hoàn thành	34	100	34	100	-
	- Không hoàn thành					
2	Các hệ quản lý	3	100	3	3	-
	- Hoàn thành	3	100	100	100	-
	- Không hoàn thành					
3	Nhân viên	8	100	8	100	-
	- Hoàn thành	8	100	8	100	-
	- Không hoàn thành					

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trường mẫu non TH là trường mẫu non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và đạt chất lượng chất lượng giáo dục theo Cấp độ 3, trường có tổng diện tích đất 5.36m² (đất trong sân, là 9 diện tích 5.217,3m², nằm trong Tân Thành, số 5, phường Hiệp Hòa Thọ, diện tích 4.500,3m²), diện tích đất xây dựng 24,8m²/tốt, đảm bảo diện tích theo chuẩn quy định.

	khẩu vật và giao dịch từ Phòng nhân sự (trừ các đơn, chứng từ) (tập chỉ số)	11	10	-10%
	Khẩu phòng vệ sinh của cơ	9	9	
	Phòng giặt đồ nội thất	2	2	
	Phòng giặt đồ nội thất	2	2	
	Phòng lau quét lau lau, quét bụi	1	1	
	Tổng cộng		1	+1%
III	Phòng kinh tế	21	21	
	Khẩu phòng tổ chức hành	4	4	
	Áp dụng của CV			
	Kiểm số	2	2	
	Đảm bảo số (đội an ninh)	2	2	
	Đảm bảo số			
IV	Khẩu phòng trợ / Phòng hợp	5	5	
	M. phòng y tế (M. nhà kho)			
	CV phòng nhân viên (M)			
V	Kiểm số	2	2	
VI	Trưởng bộ chỉ đạo, chỉ đạo dạy học từ năm 2001 (Thống kê số của VAV2001: BUNDT ngày 21/12/11 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và Bộ)	17	16	10/16 tháng, lập số chỉ đạo và số lượng 12 tháng
VII	Số bộ chỉ đạo ngoài trời (Thống kê số của BUNDT: BUNDT ngày 14 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)	10	10	
X	Đảm bảo trong nhà	7	7	
XI	Đảm bảo Trẻ em	2	2	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá

Năm học 2023-2024 và năm học 2024-2025

Qua việc tự đánh giá, đối chiếu với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trong nước của quy định Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 21/4/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường đạt được kết quả như sau:

- Mẫu 1: + Số lượng tiêu chí đạt 23/23 tiêu chí, đạt tỷ lệ 100%.
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/23 tiêu chí, đạt tỷ lệ 0%.
- Mẫu 2: + Số lượng tiêu chí đạt 23/23 tiêu chí, đạt tỷ lệ 100%.

- Số lượng tiêu chí không đạt 0/21 tiêu chí, đạt tỷ lệ 0%.
- Năm 2: - Số lượng tiêu chí đạt 19/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ 100%.
- Số lượng tiêu chí không đạt 0/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ 0%.
- Năm đánh giá của trường: Năm 3.

Trường mầm non 75, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã nghị đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

1. Kết quả đánh giá ngoài

Năm học 2019-2020:

Trường mầm non 75 được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên công nhận và cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn đánh giá chuẩn quốc gia mức độ 1 tại Quyết định số 2214/QĐ-SGDĐT ngày 07/3/2020.

Trường mầm non 75 được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên công nhận và cấp bằng công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 11/3/2020.

Năm học 2024-2025:

Trường mầm non 75 được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên công nhận và cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn đánh giá chuẩn quốc gia mức độ 1 tại Quyết định số 877/QĐ-SGDĐT ngày 30/7/2022.

Trường mầm non 75 được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên công nhận và cấp bằng công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 30/7/2022.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Trường đề tài kết quả thực hiện nổi bật, được nêu, giữa đạt 100% của năm học 2024-2025 đối sánh với năm học 2023-2024

Hà TT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Số suất
1	Tổng số trẻ em	510	465	1120-44 trẻ
1	Tổng số cháu tự	17	16	- 01 lớp M113-4 tuổi
2	Số trẻ em khuyết tật/ trẻ chậm phát triển	30	25,1	- 1 lớp 1 cháu tự
3	Số trẻ em học chuyên biệt	0		
4	Số trẻ ưu học 2 học/ ngày	110/110	100/100	
5	Số trẻ em khuyết tật học bình thường	0	0	
6	Số trẻ em được đi chơi dã ngoại	110/110	100/100	
7	Số trẻ em được tham dự lễ	110/110	100/100	

	Khoảng tiền chi ứng lương và khác trả của tháng (chi 1)			
6	Khi quá hạn tiền phải cấp phát: năm sau chi trả của 03 tuổi (từ từ phải phải cấp và hoàn thành chương trình năm sau 1 tuổi)	133110	119020	
7	Tổng số chuyển tiếp	0	0	

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NGÂN, NGUỒN KHÁC NĂM 2019

(Đồng chi đơn vị chi toàn cấp trên và đơn vị dự toán chi bằng ngân sách chi cuối)

Mã TT	Nội dung	Số ngân sách của quyết toán	Số ngân sách quyết toán thực	Yêu cầu		
				Quy hoạch	Thực chi của chi	Thực chi của chi
1	Quyết toán chi					
2	Tổng số chi					
1	Hành chính, lễ tân	110,310	120,324	03,22	11,310	
1.1	Lễ tân					
1.2	Hành chính	110,310	120,324	03,22	11,310	
2	Chi hoạt động công tác khác					
2.1						
2.2						
2.3						
2.4	Chi hoạt động xã hội khác					
II	Quyết toán chi ngân sách khác năm					
4	Kinh phí chi trả nợ tháng trước	0,700,000	0,700,000			
	Nợ ngân	4,417,000	4,417,000			
0004	Lương quân sự đang giải ngân	4,340,000	4,340,000			
	Nợ ngân	0,000	0,000			
0005	Tiền công BHXH TB	0,000	0,000			
	Nợ ngân	3,800,000	3,800,000			
0006	Chiếu cấp	00,000	00,000			
0007	Phụ cấp khác	00,000	00,000			
0008	Lưu chi, chi phí	00,000	00,000			
0012	Phụ cấp chi trả	2,100,000	2,100,000			
0013	Phụ cấp khác	0,000	0,000			
0015	Phụ cấp BHXH, BHYT	1,000,000	1,000,000			

	Mục 414	18,10	18,10		
414	Tài khoản chi trả khác	18,10	18,10		
	Mục 420	400	400		
420	Thương mại, nước	400	400		
	Mục 425	8,000	8,000		
425	Tài sản vô hình khác	8,000	8,000		
	Mục 430	1.117,00	1.117,00		
430	Hàng hóa và tài	826,111	826,111		
4301	Hàng hóa và tài	174,000	174,000		
4301	Biên phí nhập khẩu	18,200	18,200		
4301	Hàng hóa nhập khẩu	75,200	75,200		
	Mục 435	101,0	101,0		
435	Tài sản	11,0	11,000		
4351	Tài sản	10,0	41,000		
	Mục 438	112,800	112,800		
438	Vào phòng khám	60,071	60,071		
4381	Chi phí chi trả và chi phí	11,171	11,171		
4381	Vào và vào phòng	0,1	0,1		
	Mục 440	20,100	20,100		
440	Thư báo, sách và tài, tài liệu kỹ thuật, tài liệu khác, tài liệu khác, tài liệu khác	0,000	0,000		
4401	Tài liệu kỹ thuật, tài liệu	0,000	0,000		
4401	Thư báo, tài liệu kỹ thuật	0,000	0,000		
4401	Sách	1,100	1,100		
	Mục 470	1,0	1,0		
470	Thuế nhập khẩu và phí	1,0	1,0		
4701	Khuyến khích và phí	1,000	1,000		
	Mục 480	40,01	40,01		
480	Tài sản công nghệ thông tin	0,0	0,0		
4801	Tài sản và tài sản công nghệ thông tin	0,0	0,0		
4801	Thương mại, tài sản công nghệ thông tin	0,01	0,01		
	Mục 700	62,01	62,01		
700	Chi hoạt động nghiệp vụ khác ngoài	1,010	1,010		
7001	Chi khác	0,0	0,0		
	Mục 705	20,000	20,000		
705	Mua, bán và phân phối CNTT	20,000	20,000		
	Mục 710	1,0	1,0		
710	Sử dụng, tài sản công nghệ thông tin và tài sản	1,0	1,0		
B	KP chi phí và hàng hóa và tài	304,107	304,107		
	Mục 010	0,0	0,0		

6151	Hỗ trợ đầu tư công nhân nước ngoài	6,9	6,9		
6199	Các khoản hỗ trợ khác	14,8	14,8		
7740	Chi trả học phí	69,2	69,2		
	Biên chế	294,297	294,297		
6111	Công vụ, lương cơ bản	111,500	111,500		
6954	Tài sản và bất kỳ chuyển nhượng	140,591	140,591		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Đẩy mạnh công tác tổ chức, sắp xếp, quy hoạch, nâng cao quy hoạch.

Tính đến cuối năm nay, toàn trường có 02 đồng chí trong biên chế quy hoạch của danh hiệu tuyển dụng và 02 đồng chí trong biên chế quy hoạch của danh Phó hiệu trưởng giai đoạn 2021-2023 và giai đoạn 2024-2026.

Các đồng chí trong biên chế quy hoạch đã và đang được nhà trường đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi các loại hình học tập, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn quy định.

2. Tăng cường các giải pháp bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em, đặc biệt nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDVN.

Tính đến cuối năm nay, 100% cơ sở trường mầm non được đảm bảo an toàn tuyệt đối về cơ chế và an toàn.

Hầu trường đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc gia Chương trình GDVN cũng như Chương trình giáo dục nhà trường. 100% trường mầm non đang thực hiện giải pháp phòng ngừa đại dịch trong và ngoài môi trường học tập.

3. Nâng cao chất lượng đội ngũ của bộ quản lý và giáo viên nhằm nâng cấp công tác của nhà trường.

Toàn trường có 1434 GV + 100% UV đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi các cấp. Trong đó: 13 UV đạt danh hiệu GVĐD cấp trường; 11 UV đạt danh hiệu GVĐD cấp thành phố; 08 UV đạt danh hiệu GVĐD cấp tỉnh; 01 UV đạt danh hiệu GVĐD cấp quốc gia.

4. Tăng cường công tác tuyên truyền về GDVN, triển khai hiệu quả công dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đặc biệt là công tác quản lý, quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động ngoài trường, ngoài giờ, giữa giờ học.

Toàn trường có 01 trang website, 01 trang Fanpage, 01 nhóm chat của đơn vị cũng với 18 nhóm chat của 18 trường mầm non liên kết, chia sẻ để tuyên truyền, phổ biến và kết nối thông tin của người GDVN với các tổ, gia đình, nhà trường, người lao động, phụ huynh học sinh và cộng đồng.

100% của bộ quản lý và giáo viên, nhân viên và nhân viên đang theo dõi và nắm rõ kết quả của công dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và tất cả các công việc hoạt động giữa giờ, ngoài giờ học của trẻ em và nhân viên cũng sẽ được triển khai và thực hiện theo đúng quy định.

Hầu trường đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc gia, danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia, giáo viên dạy giỏi cấp thành phố, GVĐD cấp tỉnh, GVĐD cấp quốc gia, giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia.

viên và hội, phần viên phó cấp, phần viên cấp, phần viên Hội viên chức giáo dục và đào tạo, phần viên nhân viên, phần viên cơ sở và hội viên, phần viên nhân viên giáo dục và đào tạo,...

Theo hiện tại và các khoản thu, chi chế độ chính sách cho học sinh, cán bộ giáo viên, nhân viên theo phương pháp không đồng tiền mặt.

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại nhà trường gương mẫu đi đầu trong kỷ luật và kỷ cương chấp hành công tác quản lý được công tác viên Hội đồng trường tại các cấp quản lý thực hiện chính sách của Đảng và Chính phủ và công tác giáo dục như quy định, hướng dẫn của người khác cũng như hiện tại.

100% cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên tham gia các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Ngày Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên vào ngày 10/12/2023.

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại nhà trường được bồi dưỡng về kỹ năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và giảng dạy, mỗi người của học sinh, cán bộ của người khác, gia đình, học sinh và phụ huynh học sinh.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2023 của trường tiểu học 11, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 08 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Phương